

Số: /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035

Thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Thông báo kết luận cuộc họp của Lãnh đạo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan liên quan tại Văn bản số 30-TB/TGV ngày 13/6/2025, trong đó giao nhiệm vụ cho địa phương “Chủ trì xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận công nghệ”.

Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN ngày 16/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ.

Nhằm triển khai hiệu quả hoạt động đánh giá hiện trạng và năng lực công nghệ của doanh nghiệp, phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ công nghệ tỉnh, theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2515/TTr-SKHHCN ngày 07/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035, với nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu, tài liệu kỹ thuật

1. Mục đích

a) Đánh giá khách quan, đầy đủ trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời làm cơ sở xác định hiện trạng công nghệ, mức độ hấp thụ, khả năng làm chủ và sẵn sàng đổi mới công nghệ của từng ngành, từng lĩnh vực, đặc biệt là các ngành kinh tế mũi nhọn theo định hướng phát triển của tỉnh.

b) Xây dựng, cập nhật và vận hành cơ sở dữ liệu công nghệ tỉnh phục vụ quản lý nhà nước và triển khai Lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035; từng bước hình thành bản đồ công nghệ cấp tỉnh phục vụ hoạch định chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp.

c) Làm căn cứ đề xuất các giải pháp, cơ chế và chính sách nâng cao trình độ công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

d) Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh và mô hình sản xuất thông minh, hướng đến phát triển bền vững, thân thiện môi trường.

đ) Phát triển và đưa vào vận hành phần mềm đánh giá trình độ và năng lực công nghệ; số hóa quy trình thu thập, xử lý, đánh giá và báo cáo dữ liệu, hỗ trợ doanh nghiệp tự đánh giá và cập nhật thông tin phục vụ đổi mới công nghệ.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tính khách quan, khoa học, đầy đủ và trung thực trong thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin; việc đánh giá không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và tuân thủ quy định về bảo mật dữ liệu.

b) Phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trung ương và của tỉnh; thống nhất với Lộ trình đổi mới công nghệ giai đoạn 2026-2035 và phù hợp đặc thù các ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

c) Áp dụng đầy đủ phương pháp đánh giá trình độ và năng lực công nghệ theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; đồng thời linh hoạt điều chỉnh, bổ sung tiêu chí phù hợp với thực tiễn địa phương và từng lĩnh vực sản xuất.

d) Bảo đảm tính đại diện và độ tin cậy của mẫu khảo sát; dữ liệu thu thập phải được kiểm tra, xác thực và chuẩn hóa trước khi đưa vào cơ sở dữ liệu công nghệ; bảo đảm sự cân đối giữa các ngành, lĩnh vực, quy mô và địa bàn.

đ) Kết quả đánh giá và hệ thống phần mềm phải được số hóa toàn diện, bảo đảm tính ổn định, bảo mật, khả năng mở rộng và kết nối với các hệ thống thông tin của tỉnh; dữ liệu được quản lý tập trung, chia sẻ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phục vụ theo dõi, đánh giá và hoạch định chính sách.

3. Tài liệu kỹ thuật

Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN ngày 16/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ hoặc các tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành hiện hành liên quan đến xây dựng bản đồ và lộ trình đổi mới công nghệ được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.

II. Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất

Việc đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp được thực hiện theo các đối tượng, phạm vi và nguyên tắc sau:

1. Đối tượng

a) Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có sử dụng công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất; tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên và các ngành kinh tế mũi nhọn như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp - thủy sản; chế biến sâu; dược liệu - y dược công nghệ cao; kinh tế biển -

logistics; năng lượng; du lịch văn hóa - sinh thái và các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị liên quan.

b) Các doanh nghiệp quy mô lớn hoặc có tác động lan tỏa đối với ngành, lĩnh vực, có khả năng hoặc nhu cầu đổi mới công nghệ; doanh nghiệp có nhu cầu hoặc được khuyến khích tham gia đánh giá nhằm phục vụ quản lý nhà nước hoặc hoàn thiện cơ sở dữ liệu công nghệ của tỉnh.

c) Các tổ chức sản xuất đặc thù có sử dụng công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ số hoặc mô hình sản xuất thông minh có thể được xem xét bổ sung vào danh sách đánh giá trong trường hợp phù hợp với yêu cầu thực tiễn, nhằm phản ánh xu hướng công nghệ mới nổi và phục vụ yêu cầu theo định hướng phát triển của tỉnh.

2. Phạm vi đánh giá

a) Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp theo 05 nhóm thành phần (T.O.E.I.R) quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BKH-CN, gồm: trình độ công nghệ - thiết bị (T); hiệu quả khai thác công nghệ (E); năng lực tổ chức - quản lý công nghệ (O); năng lực đổi mới sáng tạo (I); và năng lực nghiên cứu - phát triển (R).

b) Đánh giá theo từng ngành, từng lĩnh vực, đồng thời bảo đảm phản ánh đúng đặc điểm công nghệ, mức độ hiện đại hóa, mức độ hấp thụ công nghệ, năng lực làm chủ, đổi mới và khả năng cạnh tranh của từng ngành kinh tế mũi nhọn và các ngành có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Phạm vi thực hiện trên toàn địa bàn tỉnh, bao gồm khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng nuôi trồng - chế biến thủy sản, địa bàn đô thị và nông thôn có doanh nghiệp thuộc đối tượng đánh giá.

d) Dữ liệu thu thập và kết quả đánh giá được số hóa, lưu trữ và quản lý thống nhất trong cơ sở dữ liệu công nghệ của tỉnh, phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, theo dõi xu hướng đổi mới công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực công nghệ; là dữ liệu đầu vào để xây dựng Bản đồ công nghệ tỉnh Khánh Hòa và phục vụ triển khai Lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035.

3. Nguyên tắc lựa chọn doanh nghiệp và chu kỳ đánh giá

a) Lựa chọn doanh nghiệp bảo đảm tính đại diện theo ngành kinh tế mũi nhọn, quy mô (lớn, vừa, nhỏ) và địa bàn; ưu tiên doanh nghiệp có nhu cầu, cam kết hoặc tiềm năng đổi mới công nghệ.

b) Thực hiện đánh giá theo chu kỳ 02 năm/lần, phù hợp với yêu cầu theo dõi mức độ chuyển dịch công nghệ và cập nhật cơ sở dữ liệu công nghệ của tỉnh; bảo đảm tính liên tục và khả năng so sánh kết quả giữa các kỳ đánh giá. Số lượng doanh nghiệp trong từng kỳ được xác định căn cứ khả năng cân đối kinh phí và yêu cầu chuyên môn.

c) Trong quá trình triển khai, có thể điều chỉnh, mở rộng phạm vi hoặc bổ sung đối tượng đánh giá khi phát sinh yêu cầu thực tiễn, nhằm bảo đảm dữ liệu cập nhật, phản ánh đúng xu hướng phát triển công nghệ và theo định hướng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

d) Danh sách doanh nghiệp được lựa chọn tham gia từng kỳ đánh giá do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổng hợp trên cơ sở đề xuất, góp ý của các sở, ngành và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

III. Xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ

1. Đối tượng và phạm vi khảo sát:

Tập trung điều tra, khảo sát tại các tổ chức, viện nghiên cứu, Trường đại học trên địa bàn tỉnh và tối thiểu 50 doanh nghiệp hạt nhân đang hoạt động trong các nhóm ngành dự kiến:

a) Nhóm ngành Kinh tế biển

- Nuôi biển công nghệ cao: Công nghệ sản xuất giống thủy sản sạch bệnh (tôm hùm, cá bóp, rong biển); Công nghệ lồng bè vật liệu mới chịu sóng gió (HDPE); Công nghệ nuôi tuần hoàn (RAS).

- Chế biến sâu thủy hải sản: Công nghệ tự động hóa trong sơ chế và chế biến (robot phi lê, phân loại quang học); Công nghệ chiết xuất hợp chất có hoạt tính sinh học từ phụ phẩm thủy sản (collagen, chitin).

- Công nghệ tự động hóa cho nhà máy chế biến thủy sản.

b) Nhóm ngành Công nghiệp Chế biến, Chế tạo và Tự động hóa

Tập trung vào các ngành có giá trị gia tăng cao, hạn chế thâm dụng lao động và không gây ô nhiễm như: Đóng tàu và cơ khí hàng hải (Công nghệ thiết kế và đóng mới tàu biển chuyên dụng, tàu du lịch cao cấp); Sản xuất vật liệu xây dựng mới (Công nghệ sản xuất vật liệu siêu nhẹ, cách nhiệt, vật liệu chống ăn mòn trong môi trường biển); Tự động hóa và IoT trong công nghiệp (Ứng dụng robot công nghiệp, hệ thống quản lý SCADA tại các khu công nghiệp).

c) Nhóm ngành Y tế, Chăm sóc sức khỏe và Dược phẩm

Sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế (Công nghệ nuôi cấy tế bào, công nghệ mRNA, sản xuất các loại vắc xin nhiệt đới); Dược liệu và mỹ phẩm,...

d) Nhóm ngành nông nghiệp thông minh

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Công nghệ nhà màng, tưới nhỏ giọt kiểm soát qua smartphone cho các cây trồng thế mạnh (nhò, táo, tỏi Ninh Hòa, xoài Cam Lâm); nhóm sản phẩm ưu tiên các sản phẩm OCOP từ 4 sao trở lên có tiềm năng xuất khẩu.

- Công nghệ sinh học nông nghiệp: Nhân giống nuôi cấy mô bảo tồn nguồn gen quý; Sản xuất phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

đ) Công nghệ sản xuất năng lượng.

2. Tổ chức khảo sát, đánh giá, xác định các ngành, lĩnh vực của tỉnh cần thiết phải xây dựng bản đồ công nghệ.

a) Xây dựng cấu trúc bản đồ công nghệ

- Xác định mục tiêu, phạm vi của bản đồ công nghệ:

+ Trường hợp đối tượng là ngành, lĩnh vực sản xuất: Tiến hành phân tích thị trường và phân khúc thị trường; Phân tích các đối thủ cạnh tranh; Xây dựng cây công nghệ và sản phẩm; Phân loại sản phẩm và yêu cầu công nghệ.

+ Trường hợp đối tượng là lĩnh vực công nghệ: Tiến hành Xây dựng cây công nghệ; Phân tích mối liên quan giữa các ứng dụng và công nghệ; Xác định yêu cầu công nghệ đối với các ứng dụng; Đánh giá tiềm năng thị trường đối với các ứng dụng; Xây dựng các hồ sơ công nghệ cơ bản.

b) Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ và năng lực công nghệ

- Xây dựng danh sách chuyên gia, doanh nghiệp, Viện - trường.
- Điều tra, đánh giá hiện trạng công nghệ, năng lực công nghệ (Bao gồm các công đoạn: Xây dựng phiếu điều tra; Tiến hành điều tra; Phân tích xử lý kết quả và tích hợp vào danh mục công nghệ).

- Tính khoảng cách công nghệ.
- Đánh giá năng lực nghiên cứu.
- Hoàn thiện hồ sơ công nghệ chi tiết.

c) Xây dựng báo cáo tổng hợp

- Tổng hợp kết quả, đánh giá hiện trạng công nghệ ngành.
- Đánh giá xu hướng nghiên cứu trên thế giới.
- Nhận diện các thách thức và nhu cầu đổi mới công nghệ.
- Xây dựng báo cáo tổng hợp.

3. Xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ cho một số ngành, lĩnh vực chủ chốt của tỉnh Khánh Hòa

a) Chuẩn bị xây dựng lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ

- Xác định tầm nhìn.
- Thành lập các nhóm chuyên môn, nhóm công tác xây dựng lộ trình công nghệ.
- Xác định các nguồn tin khả dụng, kiểm tra lại bản đồ công nghệ hiện có.

b) Triển khai xây dựng lộ trình công nghệ

- Xác định mục tiêu (xu hướng và tiềm năng của thị trường).
- Xác định đối tượng (xác định các nhóm sản phẩm chủ lực; kế hoạch phát triển các nhóm sản phẩm; xác định các công nghệ, nhóm công nghệ liên quan).
- Xác định công nghệ (xây dựng danh sách các công nghệ quan trọng; lựa chọn công nghệ ưu tiên phát triển; đánh giá năng lực, khoảng cách công nghệ; đưa ra các phương án phát triển công nghệ).

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

c) Hoàn chỉnh, cập nhật và lập kế hoạch thực hiện

- Lấy ý kiến đánh giá kết quả xây dựng ban đầu.
- Đề xuất phê duyệt kết quả xây dựng.
- Lập kế hoạch thực hiện.
- Rà soát và cập nhật (Lộ trình công nghệ và kế hoạch thực hiện cần được rà soát và cập nhật thường xuyên).

IV. Nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện đánh giá trình độ và năng

lực công nghệ sản xuất

1. Xây dựng bộ công cụ đánh giá, tài liệu hướng dẫn và cơ sở dữ liệu phục vụ khảo sát

a) Rà soát nội dung hướng dẫn đánh giá trình độ và năng lực công nghệ theo Thông tư số 17/2019/TT-BKHCN; làm rõ phương pháp, thang điểm, yêu cầu kỹ thuật của từng nhóm tiêu chí T.O.E.I.R để phục vụ việc chuẩn hóa, số hóa và tích hợp vào phần mềm đánh giá; xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ theo Sổ tay hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN ngày 16/12/2019.

b) Điều chỉnh, bổ sung tiêu chí đánh giá phù hợp với đặc thù phát triển công nghệ của các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp - thủy sản (giống, nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến, truy xuất nguồn gốc); kinh tế biển - logistics; chế biến sâu nông - thủy sản; dược liệu - y dược công nghệ cao (chiết xuất, công nghệ sinh học, tiêu chuẩn quốc tế); năng lượng; du lịch văn hóa - sinh thái (chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông minh trong trải nghiệm du lịch).

c) Xây dựng danh mục dữ liệu cần thu thập từ doanh nghiệp, gồm: thông số thiết bị - công nghệ; hồ sơ kỹ thuật; tính tự động hóa; mức độ ứng dụng công nghệ số; tiêu chuẩn chất lượng; chỉ số năng lượng - môi trường; hoạt động đổi mới sáng tạo và R&D.

d) Thiết kế bộ biểu mẫu khảo sát, tài liệu hướng dẫn, quy trình xác minh và chuẩn hóa thông tin; bảo đảm biểu mẫu được số hóa, thống nhất để tích hợp trên phần mềm đánh giá và thuận tiện cho doanh nghiệp khai báo.

đ) Biên soạn quy trình kỹ thuật đánh giá trình độ và năng lực công nghệ nhằm bảo đảm thống nhất trong tổ chức khảo sát, thu thập, kiểm tra và chuẩn hóa dữ liệu.

e) Xây dựng cấu trúc dữ liệu, yêu cầu chức năng và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với phần mềm đánh giá; quy định chuẩn dữ liệu đầu vào - đầu ra, tính điểm TOEIR, tính năng quản lý minh chứng, tổng hợp kết quả, phân quyền truy cập, bảo mật dữ liệu, và xuất báo cáo theo ngành kinh tế mũi nhọn và từng kỳ đánh giá.

g) Tổ chức vận hành thống nhất phần mềm đánh giá trong toàn bộ quá trình khảo sát, nhập liệu, phân tích và báo cáo nhằm số hóa hoàn toàn quy trình đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức khảo sát, thu thập dữ liệu về trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp

a) Lập danh sách doanh nghiệp khảo sát cho từng kỳ đánh giá 02 năm/lần, bảo đảm tính đại diện theo ngành, quy mô và địa bàn; ưu tiên doanh nghiệp thuộc ngành kinh tế mũi nhọn và doanh nghiệp có nhu cầu, tiềm năng đổi mới công nghệ. Số lượng doanh nghiệp khảo sát được xác định căn cứ kinh phí và yêu cầu chuyên môn, do Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi triển khai.

b) Tổ chức khảo sát trực tiếp tại doanh nghiệp để thu thập thông tin theo bộ công cụ T.O.E.I.R, gồm: phỏng vấn, quan sát dây chuyền sản xuất, thu thập tài liệu

và hồ sơ minh chứng.

c) Kết hợp khảo sát trực tuyến (khi phù hợp) nhằm tiết kiệm chi phí, tăng bao phủ dữ liệu và hỗ trợ doanh nghiệp ở địa bàn xa.

d) Tổng hợp, đối chiếu và chuẩn hóa dữ liệu thu thập trước khi nhập vào cơ sở dữ liệu đánh giá.

đ) Kiểm tra, rà soát dữ liệu nhằm bảo đảm tính đầy đủ, khách quan và thống nhất theo quy định kỹ thuật của phương pháp T.O.E.I.R và yêu cầu của phần mềm đánh giá.

3. Xử lý, phân tích dữ liệu và đánh giá

a) Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu tổng hợp từ khảo sát trực tiếp và trực tuyến; nhập dữ liệu vào phần mềm đánh giá và quản lý tập trung theo ngành, lĩnh vực và từng kỳ đánh giá.

b) Phân tích các nhóm chỉ tiêu T.O.E.I.R theo doanh nghiệp, ngành, lĩnh vực và nhóm ngành kinh tế mũi nhọn; đánh giá mức độ hiện đại hóa, năng lực khai thác công nghệ, năng lực quản trị, đổi mới sáng tạo và năng lực R&D.

c) Phân loại trình độ công nghệ của doanh nghiệp theo 04 mức: tiên tiến, trung bình tiên tiến, trung bình, hạn chế hoặc lạc hậu; xác định khoảng cách công nghệ giữa các doanh nghiệp, giữa các ngành và trong chuỗi giá trị.

d) Phân tích xu hướng công nghệ theo ngành, gồm: mức độ tự động hóa, chuyển đổi số, xanh hóa công nghệ, đầu tư đổi mới công nghệ, mức độ liên kết - hợp tác đổi mới công nghệ.

đ) Kiểm tra chéo dữ liệu để bảo đảm tính chính xác, khách quan; xử lý các trường hợp thiếu thông tin hoặc sai lệch theo quy trình kỹ thuật và quy định dữ liệu của phần mềm đánh giá.

e) Tổng hợp kết quả phân tích để xây dựng báo cáo tổng hợp và báo cáo chuyên đề theo nhóm ngành kinh tế mũi nhọn; phần mềm hỗ trợ tự động hóa tổng hợp, tính điểm và trích xuất báo cáo theo doanh nghiệp, ngành và địa bàn.

g) Chuẩn hóa và cấu trúc hóa dữ liệu theo mô hình trực quan hóa nhằm từng bước hình thành Bản đồ công nghệ tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm liên thông với dữ liệu tỉnh.

4. Đánh giá kết quả và đề xuất giải pháp nâng cao trình độ, năng lực công nghệ đến năm 2035

a) Xây dựng Báo cáo tổng hợp đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp tỉnh Khánh Hòa theo từng kỳ đánh giá, phản ánh trung thực thực trạng, điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề đặt ra; tổng hợp kết quả theo ngành, lĩnh vực và theo nhóm ngành kinh tế mũi nhọn, làm cơ sở tham mưu định hướng ưu tiên đổi mới công nghệ của tỉnh.

b) Xây dựng các báo cáo chuyên đề theo từng ngành kinh tế mũi nhọn (Công nghiệp chế biến, chế tạo; nông nghiệp - thủy sản; chế biến sâu; dược liệu - y dược công nghệ cao; kinh tế biển - logistics; năng lượng; du lịch văn hóa - sinh thái); đánh giá mức độ hiện đại hóa, khả năng hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ, năng lực cạnh tranh và tiềm năng phát triển công nghệ của từng ngành.

c) Đề xuất hệ thống giải pháp tổng thể và theo nhóm ngành nhằm nâng cao trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp, gồm: (i) giải pháp về công nghệ (ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ xanh và mô hình sản xuất thông minh); (ii) giải pháp về tổ chức sản xuất và quản trị công nghệ; (iii) giải pháp phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật, R&D và đổi mới sáng tạo; (iv) giải pháp tăng cường hợp tác với viện, trường, tổ chức KH&CN, chuyên gia và doanh nghiệp đầu chuỗi; đồng thời đề xuất các giải pháp chính sách hỗ trợ của Nhà nước phù hợp với lộ trình phát triển ngành theo định hướng của tỉnh.

d) Hoàn thiện bộ giải pháp trọng tâm cho từng nhóm ngành kinh tế mũi nhọn, xác định thứ tự ưu tiên và lộ trình triển khai đến năm 2035, bảo đảm phù hợp với đặc thù công nghệ và chuỗi giá trị của từng ngành, có tính khả thi và tác động lan tỏa.

đ) Hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, đồng thời thông tin phản hồi đến doanh nghiệp tham gia khảo sát nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện rõ vị trí công nghệ của mình và định hướng cải thiện; dữ liệu kết quả được khai thác phục vụ xây dựng chiến lược, chính sách nâng cao năng lực công nghệ trên địa bàn tỉnh.

e) Tích hợp kết quả đánh giá với Lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, nhằm xác định khoảng trống công nghệ, lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và định hướng nguồn lực đầu tư theo từng giai đoạn; bảo đảm đồng bộ, liên thông với các chương trình, đề án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

5. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn 2026 - 2027: Tổ chức khảo sát, đánh giá thí điểm trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo phương pháp T.O.E.I.R; xây dựng, vận hành và hoàn thiện phần mềm đánh giá, cơ sở dữ liệu công nghệ dùng chung của tỉnh; tổng hợp báo cáo đánh giá và báo cáo chuyên đề ngành; tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ đối với các ngành chủ lực của tỉnh Khánh Hòa; triển khai các hoạt động truyền thông, tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng phần mềm tự đánh giá.

b) Giai đoạn 2028 - 2030: Tiếp tục thực hiện khảo sát và đánh giá theo chu kỳ 02 năm/lần; cập nhật, chuẩn hóa và mở rộng cơ sở dữ liệu công nghệ; duy trì vận hành phần mềm đánh giá và tích hợp cập nhật tính năng mới; phân tích xu hướng công nghệ của các ngành kinh tế mũi nhọn; từng bước xây dựng và hoàn thiện Bản đồ công nghệ sơ bộ cấp tỉnh dựa trên dữ liệu thu thập qua các kỳ đánh giá, làm cơ sở triển khai xây dựng Bản đồ công nghệ hoàn chỉnh cho giai đoạn sau năm 2030.

c) Giai đoạn 2031 - 2035: Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ đối với các ngành chủ lực của tỉnh Khánh Hòa; thực hiện khảo sát và đánh giá theo chu kỳ 02 năm/lần; cập nhật, duy trì phần mềm đánh giá, chuẩn hóa và mở rộng cơ sở dữ liệu công nghệ; Cập nhật Bản đồ công nghệ tỉnh Khánh Hòa.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

6. Sản phẩm đầu ra của Kế hoạch

a) Bộ công cụ đánh giá trình độ và năng lực công nghệ (T.O.E.I.R) được chuẩn

hóa cho điều kiện thực tiễn của tỉnh Khánh Hòa, gồm: bộ tiêu chí đánh giá đã điều chỉnh bổ sung; bộ dữ liệu đầu vào; bộ biểu mẫu khảo sát; quy trình thu thập, kiểm tra, chuẩn hóa và lưu trữ dữ liệu; tài liệu hướng dẫn và quy trình kỹ thuật phục vụ đánh giá.

b) Phần mềm đánh giá trình độ và năng lực công nghệ và cơ sở dữ liệu công nghệ tập trung của tỉnh, bảo đảm vận hành ổn định, bảo mật, số hóa toàn diện quy trình đánh giá; hỗ trợ doanh nghiệp tự đánh giá; cho phép kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, phù hợp quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và tiêu chuẩn dữ liệu mở của tỉnh và triển khai Lộ trình đổi mới công nghệ của tỉnh.

c) Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá và các báo cáo chuyên đề theo nhóm ngành kinh tế mũi nhọn, đánh giá thực trạng, xác định khoảng trống công nghệ, năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ; đề xuất giải pháp nâng cao năng lực công nghệ và chính sách hỗ trợ theo từng giai đoạn đến năm 2035.

d) Bản đồ công nghệ sơ bộ tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030, được xây dựng trên cơ sở dữ liệu thu thập và phân tích qua các kỳ đánh giá, làm căn cứ triển khai xây dựng Bản đồ công nghệ hoàn chỉnh giai đoạn sau 2030.

đ) Đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp hỗ trợ đổi mới công nghệ đến năm 2035, bao gồm giải pháp chung và giải pháp đặc thù cho từng nhóm ngành kinh tế mũi nhọn, đảm bảo tính khả thi, liên thông và đồng bộ với các chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

V. Nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện Xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ

1. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Xây dựng bản đồ công nghệ

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng và lựa chọn ngành ưu tiên: Rà soát, đánh giá năng lực công nghệ, nhu cầu thị trường và mức độ sẵn sàng công nghệ (TRL) của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Lựa chọn danh mục từ 3 - 5 ngành, lĩnh vực chủ lực của tỉnh để ưu tiên thực hiện trước (*ví dụ: Công nghệ sản xuất giống thủy sản; Công nghệ nuôi trồng thủy sản; Công nghệ tự động hóa cho nhà máy chế biến thủy sản; Công nghệ nông nghiệp ứng dụng cho một số sản phẩm thế mạnh: nho, táo, nha đam, măng tây,..; Công nghệ sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế; Công nghệ sản xuất năng lượng*).

- Xây dựng Bản đồ công nghệ cho các ngành ưu tiên: Thiết lập các lớp của bản đồ (Lớp thị trường; Lớp sản phẩm; Lớp công nghệ); Xác định khoảng cách công nghệ (Technology Gap) giữa hiện trạng của địa phương so với chuẩn quốc gia và quốc tế; Nhận diện các “công nghệ lõi” cần phải làm chủ.

- Xây dựng Lộ trình công nghệ và Đổi mới công nghệ: Dựa trên Bản đồ công nghệ, vạch ra các bước đi cụ thể về thời gian để dịch chuyển từ công nghệ hiện tại sang công nghệ mục tiêu; Lập danh mục các dự án R&D (Nghiên cứu & Phát triển), dự án chuyên giao công nghệ và các dự án đầu tư nâng cấp công nghệ cho nhóm doanh nghiệp hạt nhân.

- Số hóa và xây dựng Cơ sở dữ liệu: Xây dựng hệ thống phần mềm/công nghệ thông tin quản lý Bản đồ công nghệ trực tuyến; Tích hợp dữ liệu này vào Hệ sinh thái chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể dễ dàng tra cứu, định

hướng đầu tư.

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu về phương pháp luận xây dựng bản đồ công nghệ (theo Quyết định số 3771/QĐ-BKHCN ngày 16/12/2019) cho cán bộ quản lý và lãnh đạo doanh nghiệp; Thúc đẩy mô hình liên kết, hợp tác giữa "Viện/Trường - Doanh nghiệp - Nhà nước"; Đẩy mạnh tìm kiếm, kết nối cung - cầu công nghệ với các đối tác nước ngoài để nhập khẩu, chuyển giao các công nghệ mà trong nước chưa tự nghiên cứu được.

2. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn 2026 - 2027: Ban hành Kế hoạch; Tổ chức tập huấn phương pháp; Tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng; đề xuất danh mục các ngành/lĩnh vực ưu tiên lập bản đồ công nghệ; Tổ chức xây dựng, lấy ý kiến phản biện và hoàn thiện cấu trúc Bản đồ công nghệ, Lộ trình công nghệ cho từng ngành.

b) Giai đoạn 2028 - 2030: UBND tỉnh chính thức phê duyệt và công bố Bản đồ công nghệ, Lộ trình công nghệ; Đưa hệ thống Cơ sở dữ liệu trực tuyến vào hoạt động; Hướng dẫn các doanh nghiệp dựa vào Lộ trình công nghệ để lập dự án chuyển giao, đổi mới thiết bị; Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các khoảng trống công nghệ đã được chỉ ra trên bản đồ.

c) Giai đoạn 2031 - 2035: Đánh giá hiệu quả của việc áp dụng Lộ trình công nghệ đối với sự tăng trưởng của các ngành kinh tế; Tiến hành rà soát, cập nhật Bản đồ công nghệ và tiếp tục mở rộng xây dựng bản đồ cho các ngành kinh tế tiềm năng khác.

VI. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổ chức lập dự toán và tổng hợp dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị hàng năm gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về định mức xây dựng, phân bổ dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm phù hợp với dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm được giao.

3. Căn cứ kế hoạch này, các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh tổ chức đề xuất đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ của kế hoạch hoặc có thể tổ chức triển khai thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định của Luật đấu thầu hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì xây dựng, ban hành kế hoạch để triển khai Kế hoạch này hàng năm; điều phối, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra tiến độ, chất lượng thực hiện các nội dung đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hoặc theo yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ, cấp có thẩm quyền theo quy định.

c) Hằng năm và theo chu kỳ 02 năm/lần, xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai hoạt động đánh giá, xác định danh sách doanh nghiệp, nội dung, phương pháp và tiến độ thực hiện; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực triển khai nhiệm vụ khảo sát, thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá; hướng dẫn, giám sát đơn vị tư vấn và tổ công tác trong suốt quá trình thực hiện.

đ) Tổ chức quản lý, vận hành, cập nhật và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu công nghệ và phần mềm đánh giá; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước.

e) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn doanh nghiệp phối hợp cung cấp thông tin, khai báo dữ liệu và sử dụng phần mềm tự đánh giá.

g) Sử dụng kết quả đánh giá để phân tích xu hướng công nghệ, đề xuất giải pháp, chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ đối với các ngành chủ lực của tỉnh Khánh Hòa; từng bước hình thành và hoàn thiện Bản đồ công nghệ tỉnh Khánh Hòa.

h) Định kỳ tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

i) Thực hiện tổng kết giai đoạn 2026-2030 đánh giá kết quả đạt được, trên cơ sở đó, tham mưu triển khai giai đoạn đánh giá nâng cao (2031-2035) gắn với việc xây dựng, hoàn thiện và vận hành Bản đồ công nghệ hoàn chỉnh của tỉnh, bảo đảm thống nhất với mục tiêu và lộ trình của phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách hiện hành; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh:

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đề xuất và xác định danh sách doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý tham gia đánh giá.

b) Hỗ trợ cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu ngành liên quan đến công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất của doanh nghiệp phục vụ công tác đánh giá.

c) Khi cần thiết, cử cán bộ phối hợp tham gia khảo sát, xác minh thông tin, kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xử lý các nội dung chuyên môn liên quan.

4. Thống kê tỉnh Khánh Hòa

a) Phối hợp xác định danh sách doanh nghiệp khảo sát, bảo đảm tính đại diện

theo ngành, quy mô và khu vực kinh tế; đề xuất quy mô mẫu phù hợp cho từng kỳ đánh giá.

b) Xem xét lồng ghép nội dung Kế hoạch với hoạt động điều tra doanh nghiệp hàng năm (nếu phù hợp).

c) Phối hợp thu thập, rà soát, kiểm tra và chuẩn hóa phiếu khảo sát doanh nghiệp; tổng hợp số liệu gửi Sở Khoa học và Công nghệ để xử lý, phân tích.

d) Phối hợp chia sẻ dữ liệu thống kê phục vụ đối chiếu, hoàn thiện cơ sở dữ liệu công nghệ của tỉnh.

đ) Khi cần thiết, tham gia tổ công tác/đoàn khảo sát để hỗ trợ xác minh và bảo đảm độ tin cậy của dữ liệu thu thập.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan thực hiện công tác truyền thông về hoạt động đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp.

b) Tuyên truyền vai trò, lợi ích của đổi mới công nghệ và chuyển đổi số đối với doanh nghiệp, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình triển khai.

c) Xây dựng chuyên mục, phóng sự, tin bài giới thiệu các mô hình doanh nghiệp đổi mới công nghệ tiêu biểu, lan tỏa hiệu quả thực tiễn và khuyến khích nhân rộng.

6. Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp tham gia đánh giá

a) Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp phối hợp tuyên truyền, vận động doanh nghiệp cung cấp thông tin, tham gia đánh giá và hỗ trợ kiểm chứng thông tin khi có yêu cầu.

b) Doanh nghiệp được lựa chọn khảo sát có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về công nghệ, thiết bị, quy trình sản xuất, đổi mới sáng tạo và các minh chứng liên quan; phối hợp làm việc với đoàn khảo sát, đơn vị tư vấn và cơ quan thực hiện.

c) Doanh nghiệp phối hợp rà soát, xác nhận lại số liệu trước khi tổng hợp, đưa vào cơ sở dữ liệu đánh giá.

d) Thông tin và dữ liệu do doanh nghiệp cung cấp được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích đánh giá, nghiên cứu, hoạch định chính sách theo quy định của pháp luật.

7. Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hoạt động khảo sát và đánh giá trình độ, năng lực công nghệ đến doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

b) Cử cán bộ phối hợp thực hiện nhiệm vụ khi có đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Lồng ghép nội dung của Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh

nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035.

Đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả, thiết thực; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: LĐ, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CNG, NNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục**Tiến độ thực hiện kế hoạch đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; xây dựng bản đồ công nghệ, lộ trình công nghệ và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa)*

Stt	Nhóm nhiệm vụ / Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Chủ trì	Phối hợp
Giai đoạn 1 (2026 – 2027): Hoàn thiện công cụ, phần mềm, khảo sát và tham mưu chính sách đến 2035					
1	Hoàn thiện công cụ đánh giá (tiêu chí - biểu mẫu - quy trình): Rà soát và hoàn thiện bộ tiêu chí T.O.E.I.R và tiêu chí đặc thù ngành; Thiết kế phiếu khảo sát, hướng dẫn xác minh, quy trình kỹ thuật.	6/2026 - 7/2026	Bộ tiêu chí + bộ phiếu & quy trình	Sở KH&CN	Sở Công Thương; Sở NN&MT; Thống kê tỉnh; đơn vị tư vấn
2	Xây dựng và phát triển phần mềm đánh giá: Xây dựng cấu trúc dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật; Phát triển phần mềm	08/2026 - 12/2026	Phần mềm đánh giá	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn; sở ngành liên quan
3	Thử nghiệm - hiệu chỉnh phần mềm và tập huấn doanh nghiệp: Vận hành thử, hoàn thiện tính năng; Tập huấn doanh nghiệp sử dụng phần mềm.	01/2027 - 03/2027	Báo cáo thử nghiệm + tài liệu tập huấn	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn; Thống kê tỉnh; sở ngành; doanh nghiệp mẫu
4	Tổ chức khảo sát doanh nghiệp: Lập danh sách doanh nghiệp khảo sát (sơ bộ và hoàn thiện); Khảo sát trực tiếp và trực tuyến doanh nghiệp (thu thập dữ liệu T.O.E.I.R).	04/2027- 09/2027	Tập dữ liệu khảo sát đã kiểm tra ban đầu	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn; Sở Công Thương; Sở NN&MT; Thống kê tỉnh; địa phương

5	Chuẩn hóa - nhập dữ liệu - phân tích kết quả: Chuẩn hóa, đối chiếu và nhập dữ liệu vào phần mềm; Phân tích các chỉ tiêu T.O.E.I.R và tổng hợp theo ngành.	09/2027 - 11/2027	CSDL công nghệ + báo cáo phân tích	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn; Thống kê tỉnh
6	Xây dựng Bản đồ công nghệ tỉnh Khánh Hòa (GIS + dashboard)	09/2027 - 11/2027	Bản đồ công nghệ	Sở KH&CN	Các sở ngành; đơn vị tư vấn
7	Xây dựng báo cáo & tham mưu chính sách đổi mới công nghệ đến 2035: Báo cáo tổng hợp và báo cáo chuyên đề ngành mũi nhọn; Tham mưu chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ đối với các ngành chủ lực của tỉnh Khánh Hòa.	11/2027 - 12/2027	Bộ báo cáo và dự thảo chính sách trình HĐND tỉnh	Sở KH&CN	Sở Tài chính; các sở ngành; địa phương
Giai đoạn 2 (2028 - 2030): Đánh giá định kỳ 2 năm/lần, cập nhật CSDL, xây dựng Bản đồ công nghệ tỉnh					
7	Khảo sát, đánh giá định kỳ chu kỳ 2028-2029	2028-2029	Bộ dữ liệu & báo cáo 2029	Sở KH&CN	Sở, ngành; Thống kê tỉnh ; Đơn vị tư vấn; doanh nghiệp
8	Cập nhật - nâng cấp phần mềm đánh giá; bổ sung tiêu chí mới	2028-2030	Phần mềm phiên bản nâng cấp	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn
9	Thu thập dữ liệu bổ sung hằng năm; chuẩn hóa và cập nhật vào CSDL công nghệ tỉnh	2028-2030	CSDL công nghệ cập nhật	Sở KH&CN	Sở ngành; địa phương; Đơn vị tư vấn; doanh nghiệp
10	Khảo sát, đánh giá định kỳ chu kỳ 2029-2030	2029-2030	Bộ dữ liệu & báo cáo 2030	Sở KH&CN	Sở ngành; địa phương; Đơn vị tư vấn; doanh nghiệp
11	Cập nhật Bản đồ công nghệ bằng dữ liệu kỳ 2028-2029	Năm 2030	Bản đồ công nghệ (bản cập nhật)	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn; sở ngành

12	Tổng hợp báo cáo giai đoạn 2026-2030; phân tích xu hướng công nghệ	Cuối 2030	Báo cáo tổng hợp 2026-2030	Sở KH&CN	Các cơ quan liên quan
Giai đoạn 2031 - 2035): Đánh giá định kỳ 2 năm/lần, cập nhật CSDL và Bản đồ công nghệ tỉnh					
13	Khảo sát, đánh giá định kỳ chu kỳ 2031-2035 (Đánh giá định kỳ 2 năm/lần)	2031-2035	Bộ dữ liệu & báo cáo theo đánh giá định kỳ	Sở KH&CN	Sở, ngành; Thống kê tỉnh ; Đơn vị tư vấn; doanh nghiệp
14	Cập nhật Bản đồ công nghệ bằng dữ liệu theo định kỳ 2031-2035	2031-2035	Bản đồ công nghệ (bản cập nhật)	Sở KH&CN	Đơn vị tư vấn; sở ngành
15	Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ đối với các ngành chủ lực của tỉnh Khánh Hòa.				
16	Tổng hợp báo cáo giai đoạn 2031-2035; phân tích xu hướng công nghệ	Cuối 2035	Báo cáo tổng hợp 2031-2035	Sở KH&CN	Các cơ quan liên quan